

Số: 18/NQ-HĐND

Duyên Hải, ngày 16 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Về việc bổ sung dự toán, bổ sung có mục tiêu
chi ngân sách huyện năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN DUYÊN HẢI
KHÓA X - KỲ HỌP LẦN THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị Quyết số 45/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc bổ sung dự toán, bổ sung có mục tiêu và điều chỉnh dự toán ngân sách tỉnh năm 2022;

Trên cơ sở Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân huyện Duyên Hải về việc phê chuẩn dự toán ngân sách, phân bổ nhiệm vụ thu - chi ngân sách huyện Duyên Hải năm 2022;

Xét Tờ trình số 148/TTr-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải về việc bổ sung dự toán, bổ sung có mục tiêu chi ngân sách huyện năm 2022; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung dự toán, bổ sung có mục tiêu chi ngân sách huyện năm 2022 cho 22 cơ quan, đơn vị ngành huyện và 07 xã - thị trấn với tổng số tiền: **10.627.372.566 đồng** (Mười tỷ sáu trăm hai mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi hai ngàn năm trăm sáu mươi sáu đồng), (Đính kèm phụ lục chi tiết).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện đúng theo quy định; Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Duyên Hải khóa X - kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 16 tháng 12 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy;
- UBND, UBMTTQ huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Phòng Tài chính - KH, Kho bạc NN huyện;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Thường trực HĐND, UBND xã - thị trấn;
- Lưu: VT, HĐND.

CHỦ TỊCH

Lê Vũ Phương

TT	Nội dung chi	Tổng số tiền	Chi tiết nguồn bổ sung					
			Nguồn sự nghiệp kinh tế khác	Nguồn hỗ trợ các chế độ chính sách khác	Nguồn chi khác ngân sách	Nguồn mua sắm, sửa chữa	Nguồn tính bổ sung có mục tiêu	Nguồn cải cách tiền lương
	Kinh phí nâng bậc lương thường xuyên	9.600.000						9.600.000
7	Phòng Nội Vụ	46.042.862						46.042.862
	Kinh phí nâng bậc lương thường xuyên	14.944.700						14.944.700
	Kinh phí bổ sung lương, phụ cấp của I biên chế	31.098.162						31.098.162
8	Hội Chữ Thập Đỏ	4.411.000						4.411.000
	Kinh phí nâng bậc lương thường xuyên	4.411.000						4.411.000
9	Phòng Tài nguyên và Môi trường	4.352.000						4.352.000
	Kinh phí nâng bậc lương thường xuyên	4.352.000						4.352.000
10	Phòng Lao động TB&XH	4.607.995.000						4.607.995.000
	Kinh phí nâng bậc lương thường xuyên	13.055.000						13.055.000
	Kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp cho các đối tượng bảo trợ xã hội, người cao tuổi và người khuyết tật...	4.263.300.000						4.263.300.000
	Kinh phí hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội theo Thông tư 190/2014/TT-BTC ngày 11/12/2014 của Bộ Tài chính; Quyết định số 936/QĐ-TTg ngày 25/6/2015 của Chính phủ	122.440.000						122.440.000
	Kinh phí thực hiện chính sách trợ cấp hàng tháng đối với các đối tượng khó khăn theo Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh	97.200.000						97.200.000
	Kinh phí hỗ trợ gia đình có người tử vong do dịch bệnh Covid-19 theo Công văn 273/UBND-KGVX ngày 19/01/2022 của UBND tỉnh	112.000.000						112.000.000
11	Văn phòng Huyện ủy	465.836.100	66.000.000				100.372.000	230.964.100
	Kinh phí mua sắm, lắp đặt trang thiết bị phục vụ giảng dạy của Trung tâm bồi dưỡng chính trị	100.372.000					100.372.000	
	Kinh phí chống dịch nước hội trường và làm lại đường ống nước nhà vệ sinh của Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện	10.000.000				10.000.000		
	Kinh phí gia công lắp đặt băng rol, băng hiệu Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị huyện	13.500.000				13.500.000		
	Kinh phí chi trả chế độ trợ cấp thôi việc (Nguyễn Chí Hiếu BTC HU)	35.447.100						35.447.100

TT	Nội dung chi	Tổng số tiền	Chi tiết nguồn hỗ sung					
			Nguồn sự nghiệp kinh tế khác	Nguồn hỗ trợ các chế độ chính sách khác	Nguồn chi khác ngân sách	Nguồn mua sắm, sửa chữa	Nguồn tinh bổ sung có mục tiêu	Nguồn cải cách tiền lương
	Kinh phí phục vụ công tác bảo vệ chính trị nội bộ	12.000.000			12.000.000			
	Kinh phí tổ chức hội nghị giao ban của Thường trực Huyện ủy với Bí thư chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở	33.000.000			33.000.000			
	Kinh phí chi trả tiền điện chiếu sáng công cộng, các phòng họp, hội trường trong khu hành chính huyện từ tháng 1-4/2022	66.000.000	66.000.000					
	Kinh phí nâng bậc lương thường xuyên	195.517.000						
12	Phòng Nông nghiệp và PTNT	100.439.000	80.000.000	-				195.517.000
	Kinh phí thực hiện video clip, tập hình ảnh về kết quả xây dựng huyện nông thôn mới	80.000.000	80.000.000					20.439.000
	Kinh phí nâng bậc lương thường xuyên	20.439.000						
13	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực	241.466.404		-	241.466.404			20.439.000
	Kinh phí thanh toán Hệ thống đèn đường chiếu sáng trung tâm xã Đôn Châu	22.112.055			22.112.055			-
	Kinh phí thanh toán Hệ thống đèn đường chiếu sáng xã Đôn Xuân	77.050.349			77.050.349			
	Kinh phí thanh toán Đường nhựa Cồn Nhàn, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh	110.534.000			110.534.000			
	Kinh phí thanh toán Xây dựng hàng rào trụ sở UBND xã Đông Hải	31.770.000			31.770.000			
14	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	2.593.187.000	2.580.000.000	-				13.187.000
	Kinh phí nâng bậc lương thường xuyên	13.187.000						
	Kinh phí chi trả tiền điện chiếu sáng tuyến số 02, công chầu, phục vụ các phòng họp, hội trường, chiếu sáng trong khu hành chính huyện từ tháng 9-12/2022	115.000.000	115.000.000					13.187.000
	Kinh phí gắn bông hoa vòng xoay dương vào khu hành chính huyện	44.000.000	44.000.000					
	Kinh phí sửa chữa hệ thống chiếu sáng công cộng	90.000.000	90.000.000					
	Kinh phí lắp bảng công bố đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh đến năm 2040	31.000.000	31.000.000					
	Kinh phí lắp bảng công bố đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu dịch vụ công cộng và khu đô thị thuộc Khu kinh tế Định An, tỉnh Trà Vinh	29.000.000	29.000.000					

TT	Nội dung chi	Tổng số tiền	Chi tiết nguồn bổ sung						
			Nguồn sự nghiệp kinh tế khác	Nguồn hỗ trợ các chế độ chính sách khác	Nguồn chi khác ngân sách	Nguồn mua sắm, sửa chữa	Nguồn tính bổ sung có mục tiêu	Nguồn cải cách tiền lương	
	Kinh phí nâng bậc lương thường xuyên	22.463.000							
22	Ban chỉ huy Quân sự	420.266.000		102.570.000			317.696.000		22.463.000
	Kinh phí hỗ trợ tổ chức Đại hội điểm thi đua Quyết thắng lực lượng vũ trang huyện Duyên Hải giai đoạn 2017-2022	40.800.000		40.800.000					
	Kinh phí hỗ trợ lắp đặt hệ thống chiếu sáng phục vụ công tác tuyên truyền, hệ thống bảo vệ an ninh của đơn vị	240.900.000				240.900.000			
	Kinh phí hỗ trợ dân quân tham gia hội thao cấp tỉnh	61.770.000		61.770.000					
	Kinh phí hỗ trợ làm 02 bảng công lớn, 06 bảng hành động đơn vị	76.796.000				76.796.000			
II	Bổ sung có mục tiêu chi ngân sách cho các xã, thị trấn	1.300.683.850	864.790.730		282.817.000	76.000.000	77.076.120		
1	Xã Long Khánh	228.727.435	11.989.435		140.738.000	76.000.000			
	Kinh phí hỗ trợ thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt	11.989.435	11.989.435						
	Kinh phí để thanh toán các chi phí sau quyết toán dự án hoàn thành (Đường ấp Vĩnh Khánh 2, xã Long Khánh)	140.738.000			140.738.000				
	Kinh phí mua bổ sung thiết bị, dụng cụ thể thao bổ trí thêm những nơi công cộng đáp ứng tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao	76.000.000			76.000.000				
2	Xã Đông Hải	1.112.694	1.112.694						
	Kinh phí hỗ trợ thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt	1.112.694	1.112.694						
3	Xã Đôn Xuân	525.366.121	508.287.121		17.079.000				
	Kinh phí hỗ trợ thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt	166.287.121	166.287.121						
	Kinh phí thanh toán công trình Cải tạo công viên và mua sắm thiết bị phục vụ khu vui chơi trong khuôn viên xã Đôn Xuân	5.499.000			5.499.000				
	Kinh phí thanh toán công trình Nâng cấp, mở rộng đường nhựa Bảo Sáu, xã Đôn Xuân	11.580.000			11.580.000				
	Kinh phí làm sân đàn, mái che, phòng bắt biển số xe, nhà kho để quản trang thiết bị huấn luyện cho Công an và Ban Chỉ huy quân sự xã	342.000.000	342.000.000						
4	Xã Đôn Châu	206.795.549	129.719.429					77.076.120	

TT	Nội dung chi	Tổng số tiền	Chi tiết nguồn bổ sung					Nguồn tài trợ khác
			Nguồn sự nghiệp kinh tế khác	Nguồn hỗ trợ các chế độ chính sách khác	Nguồn chi khác ngân sách	Nguồn mua sắm, sửa chữa	Nguồn tinh bổ sung có mục tiêu	
	Kinh phí thí điểm để án thực hiện phương án chuyển giao các nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ năm 2022	77.076.120						
	Kinh phí hỗ trợ thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt	129.719.429	129.719.429					77.076.120
5	Xã Ngũ Lạc							
	Kinh phí hỗ trợ thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt	175.018.839	175.018.839					
6	Xã Long Vĩnh							
	Kinh phí bổ sung thanh toán công trình Đường đat xóm chùa, xã Long Vĩnh (giai đoạn 3)	125.000.000				125.000.000		
7	Thị trấn Long Thành							
	Kinh phí hỗ trợ thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt	38.663.212	38.663.212			125.000.000		
		38.663.212	38.663.212					